

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**  
**MÔN: TIẾNG ANH**

STT	Trường THCS	Số học sinh đăng ký dự thi TS 10	Số học sinh vắng thi TS 10	Số học sinh dự thi TS 10	<5.0		≥5.0		≥8.0		Điểm 10	
					Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	THCS Ngô Sĩ Liên	479	1	478	96	20.1	382	79.9	200	41.8	17	3.6
2	THCS Âu Lạc	365	0	365	44	12.1	321	87.9	179	49.0	13	3.6
3	THCS Trần Văn Đương	116	1	115	57	49.6	58	50.4	21	18.3	2	1.7
4	THCS Nguyễn Gia Thiều	378	1	377	32	8.5	345	91.5	222	58.9	30	8.0
5	THCS Tân Bình	559	2	557	141	25.3	416	74.7	210	37.7	13	2.3
6	THCS Quang Trung	263	0	263	93	35.4	170	64.6	56	21.3	4	1.5
7	THCS Lý Thường Kiệt	144	0	144	45	31.3	99	68.8	33	22.9	2	1.4
8	THCS Phạm Ngọc Thạch	142	2	140	52	37.1	88	62.9	33	23.6	3	2.1
9	THCS Trần Văn Quang	240	0	240	60	25.0	180	75.0	89	37.1	8	3.3
10	THCS Võ Văn Tần	308	2	306	108	35.3	198	64.7	83	27.1	6	2.0
11	THCS Ngô Quyền	654	0	654	195	29.8	459	70.2	195	29.8	18	2.8
12	THCS Trường Chinh	435	0	435	58	13.3	377	86.7	206	47.4	25	5.7
13	THCS Hoàng Hoa Thám	830	3	827	196	23.7	631	76.3	336	40.6	22	2.7
14	TiH, THCS, THPT Thái Bình Dương	11	0	11	0	0.0	11	100.0	6	54.5	0	0.0
15	THCS, THPT Hai Bà Trưng	29	4	25	6	24.0	19	76.0	9	36.0	0	0.0
16	THCS, THPT Thái Bình	12	0	12	2	16.7	10	83.3	2	16.7	0	0.0
17	TiH, THCS, THPT Thanh Bình	22	1	21	6	28.6	15	71.4	2	9.5	0	0.0
18	TiH, THCS, THPT Việt Mỹ	4	0	4	0	0.0	4	100.0	0	0.0	0	0.0
19	THCS, THPT Bác Ái	8	0	8	3	37.5	5	62.5	1	12.5	0	0.0
20	THCS, THPT Việt Thanh	12	1	11	6	54.5	5	45.5	0	0.0	0	0.0
<b>TỔNG</b>		<b>5011</b>	<b>18</b>	<b>4993</b>	<b>1200</b>	<b>24.0</b>	<b>3793</b>	<b>76.0</b>	<b>1883</b>	<b>37.7</b>	<b>163</b>	<b>3.3</b>

Tân Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ĐIÊN VĂN QUANG

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**  
**MÔN: TOÁN**

STT	Trường THCS	Số học sinh đăng ký dự thi TS 10	Số học sinh vắng thi TS 10	Số học sinh dự thi TS 10	<5.0		≥5.0		≥8.0		Điểm 10	
					Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	THCS Ngô Sĩ Liên	479	1	478	186	38.9	292	61.1	84	17.6	2	0.4
2	THCS Âu Lạc	365	0	365	98	26.8	267	73.2	74	20.3	0	0.0
3	THCS Trần Văn Đương	116	1	115	58	50.4	58	50.4	14	12.2	1	0.9
4	THCS Nguyễn Gia Thiều	378	1	377	86	22.8	291	77.2	98	26.0	1	0.3
5	THCS Tân Bình	559	2	557	207	37.2	350	62.8	98	17.6	1	0.2
6	THCS Quang Trung	263	0	263	123	46.8	140	53.2	29	11.0	0	0.0
7	THCS Lý Thường Kiệt	144	0	144	78	54.2	66	45.8	8	5.6	0	0.0
8	THCS Phạm Ngọc Thạch	142	2	140	81	57.9	59	42.1	11	7.9	0	0.0
9	THCS Trần Văn Quang	240	0	240	86	35.8	154	64.2	37	15.4	0	0.0
10	THCS Võ Văn Tần	308	2	306	137	44.8	169	55.2	30	9.8	0	0.0
11	THCS Ngô Quyền	654	0	654	275	42.0	379	58.0	105	16.1	3	0.5
12	THCS Trường Chinh	435	0	435	104	23.9	331	76.1	106	24.4	7	1.6
13	THCS Hoàng Hoa Thám	830	3	827	323	39.1	504	60.9	137	16.6	2	0.2
14	TiH, THCS, THPT Thái Bình Dương	11	0	11	2	18.2	9	81.8	2	18.2	0	0.0
15	THCS, THPT Hai Bà Trưng	29	4	25	14	56.0	11	44.0	0	0.0	0	0.0
16	THCS, THPT Thái Bình	12	0	12	7	58.3	5	41.7	1	8.3	0	0.0
17	TiH, THCS, THPT Thanh Bình	22	2	20	15	75.0	5	25.0	0	0.0	0	0.0
18	TiH, THCS, THPT Việt Mỹ	4	0	4	4	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
19	THCS, THPT Bắc Ái	8	0	8	5	62.5	3	37.5	0	0.0	0	0.0
20	THCS, THPT Việt Thanh	12	1	11	6	54.5	5	45.5	0	0.0	0	0.0
<b>TỔNG</b>		<b>5011</b>	<b>19</b>	<b>4992</b>	<b>1895</b>	<b>38.0</b>	<b>3098</b>	<b>62.1</b>	<b>834</b>	<b>16.7</b>	<b>17</b>	<b>0.3</b>

Tân Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



PHAN VĂN QUANG

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**  
**MÔN: NGỮ VĂN**

ST T	Trường THCS	Số học sinh đăng ký dự thi TS 10	Số học sinh vắng thi TS 10	Số học sinh dự thi TS 10	<5.0		≥5.0		≥8.0		Điểm 10	
					Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	THCS Ngô Sĩ Liên	479	1	478	67	14.0	411	86.0	70	14.6	0	0
2	THCS Âu Lạc	365	0	365	15	4.1	350	95.9	77	21.1	0	0
3	THCS Trần Văn Đàng	116	1	115	16	13.9	99	86.1	13	11.3	0	0
4	THCS Nguyễn Gia Thiều	378	1	377	15	4.0	362	96.0	68	18.0	0	0
5	THCS Tân Bình	559	2	557	48	8.6	509	91.4	99	17.8	0	0
6	THCS Quang Trung	263	0	263	31	11.8	232	88.2	37	14.1	0	0
7	THCS Lý Thường Kiệt	144	0	144	19	13.2	125	86.8	6	4.2	0	0
8	THCS Phạm Ngọc Thạch	142	2	140	13	9.3	127	90.7	8	5.7	0	0
9	THCS Trần Văn Quang	240	0	240	13	5.4	227	94.6	41	17.1	0	0
10	THCS Võ Văn Tần	308	2	306	36	11.8	270	88.2	38	12.4	0	0
11	THCS Ngô Quyền	654	0	654	94	14.4	560	85.6	94	14.4	0	0
12	THCS Trường Chinh	435	0	435	27	6.2	408	93.8	77	17.7	0	0
13	THCS Hoàng Hoa Thám	830	3	827	78	9.4	749	90.6	90	10.9	0	0
14	TiH, THCS, THPT Thái Bình Dương	11	0	11	1	9.1	10	90.9	0	0.0	0	0
15	THCS, THPT Hai Bà Trưng	29	4	25	6	24.0	19	76.0	2	8.0	0	0
16	THCS, THPT Thái Bình	12	0	12	4	33.3	8	66.7	0	0.0	0	0
17	TiH, THCS, THPT Thanh Bình	22	2	20	6	30.0	14	70.0	1	5.0	0	0
18	TiH, THCS, THPT Việt Mỹ	4	0	4	2	50.0	2	50.0	0	0.0	0	0
19	THCS, THPT Bắc Ái	8	0	8	2	25.0	6	75.0	0	0.0	0	0
20	THCS, THPT Việt Thanh	12	1	11	4	36.4	7	63.6	1	9.1	0	0
<b>TỔNG</b>		<b>5011</b>	<b>19</b>	<b>4992</b>	<b>497</b>	<b>10.0</b>	<b>4495</b>	<b>90.0</b>	<b>722</b>	<b>14.5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Tân Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



PHAN VĂN QUANG